

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến về dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn Ngân sách trung ương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh về cho ý kiến về dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn Ngân sách trung ương; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn Ngân sách trung ương như các biểu kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa XII, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- VP đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

Biểu số 01
DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Chủ trương/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao | Điều chỉnh kế hoạch | | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều | Ghi chú | |
|----------|--|------------------------|--------------------------------------|-----------------|--|----------------|--------------------------------------|---------------------|---------------|---------------------------------------|----------------|--|
| | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Tăng | Giảm | | | |
| | | | | | | Tổng số | | | | | | Trong đó: NSTW |
| | TỔNG CỘNG | | | | | 845.615 | 677.671 | 153.015 | 40.649 | 40.649 | 153.015 | |
| 1 | Quốc phòng | | | | | 49.847 | 34.275 | 2.448 | 0 | 2.448 | 0 | |
| | <i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i> | | | | | | | | | | | |
| - | Rà phá bom mìn vật nổ phục vụ tái định cư huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng | HL, TP | 722 ha | 17-21 | 2258/QĐ-UBND 18/8/2017 | 49.847 | 34.275 | 2.448 | | 2.448 | 0 | Dự án đã hoàn thành, số vốn còn lại không có nhu cầu sử dụng |
| 2 | Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | | | | | 117.420 | 57.935 | 20.000 | 0 | 200 | 19.800 | |
| | <i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i> | | | | | | | | | | | |
| - | Dự án phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị | TP, GL, HL, CL, ĐH, HH | 444,08ha | 16-21 | 2111/QĐ-UBND 5/9/2016 08/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 1822/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 | 117.420 | 57.935 | 20.000 | | 200 | 19.800 | Dự án đã hoàn thành, số vốn còn lại không có nhu cầu sử dụng |
| 3 | Khu công nghiệp và khu kinh tế | | | | | 370.880 | 331.938 | 54.952 | 0 | 18.294 | 36.658 | |
| | <i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i> | | | | | | | | | | | |
| - | Khu tái định cư xã Hải Khê và đường vào khu tái định cư (giai đoạn 1) | Hải Lăng | 50 ha | 17-21 | 2942/QĐ-UBND 30/10/2017; 1821/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 | 298.890 | 267.538 | 46.326 | | 17.745 | 28.581 | Dự án đã hoàn thành, số vốn còn lại không có nhu cầu sử dụng |
| - | Khu tái định cư xã Hải An và đường giao thông dọc khu kinh tế (giai đoạn 1) | Hải Lăng | Sàn nền đường giao thông, đường điện | 17-21 | 2943/QĐ-UBND 30/10/2017 | 71.990 | 64.400 | 8.626 | | 549 | 8.077 | Dự án đã hoàn thành, số vốn còn lại không có nhu cầu sử dụng |
| 4 | Giao thông | | | | | 307.468 | 253.523 | 75.615 | 40.649 | 19.707 | 96.557 | |

| TT | Dan h mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Chủ trương/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao | Điều chỉnh kế hoạch | | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều | Ghi chú | |
|----|---|-------------|-------------------|-----------------|--|---------|--------------------------------------|---------------------|--------|---------------------------------------|---------|--|
| | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Tăng | Giảm | | | |
| | | | | | | Tổng số | | | | | | Trong đó: NSTW |
| | Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025 | | | | | | | | | | | |
| - | Đường Ngô Quyền, Cầu quy Thiện và đoạn còn lại Đường Xuân - Quy - Vĩnh | Hải Lăng | 10,609 km | 17-21 | 1902/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; 1819/QĐ-UBND ngày 14/7/2021; | 82.779 | 81.000 | 9.735 | | 185 | 9.550 | Dự án đã hoàn thành, số vốn còn lại không có nhu cầu sử dụng |
| - | Đường liên xã Đakrông - Mồ Ó - Triệu Nguyên - Ba Lòng, huyện Đakrông | Đakrông | 15,454 km | 16-21 | 27/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 81/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 | 135.000 | 131.874 | 65.880 | | 19.522 | 46.358 | Dự án đã hoàn thành, số vốn còn lại không có nhu cầu sử dụng |
| | Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 | | | | | | | | | | | |
| - | Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 | Gio Linh | 11,5 km | 22-25 | 156/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 | 89.689 | 40.649 | 0 | 40.649 | | 40.649 | Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư |

Biểu số 02

DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian thực hiện | Chủ trương/ Quyết định đầu tư | | | Kế hoạch vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW | | | | |
|------------------|--|------------------------|--|---------------------|---|--------------------------------|----------------|--|---------------------|--------------------|---|--------------------|
| | | | | | Số quyết định | TMBĐT | | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao | Điều chỉnh kế hoạch | | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn đối ứng | | Vốn nước ngoài | Tăng | | Giảm |
| TỔNG CỘNG | | | | | | 1.668.429 | 241.820 | 1.130.777 | 132.712 | 50.768,3062 | 50.768,3062 | 132.712 |
| 1 | Bảo vệ môi trường | | | | | 63.619 | 15.304 | 43.484 | 54.106 | 0 | 31.000 | 23.106 |
| | <i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i> | | | | | | | | | | | |
| - | Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị | Toàn tỉnh | 03 hợp phần | 2017-2022 | 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016; 424/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 | 63.619 | 15.304 | 43.484 | 54.106 | | 31.000 | 23.106 |
| 2 | Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | | | | | 451.890 | 34.286 | 402.564 | 78.606 | 0 | 19.768 | 58.838 |
| | <i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i> | | | | | | | | | | | |
| - | Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) | VL, GL, HL, ĐH, CL, HH | 14 công trình hồ, đập | 2017-2022 | 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 1241/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 | 226.710 | 11.921 | 199.749 | 64.513 | | 5.676 | 58.837 |
| - | Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA) | HH, GL, HL, TP | RPH 2.900 ha, BV 2.500 ha, KNTS 1.700 ha | 2012-2021 | 1405/QĐ-UBND ngày 08/8/2012; 3728/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 | 225.180 | 22.365 | 202.815 | 14.093 | | 14.092,3062 | 0,6938 |
| 3 | Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | | | | | 1.152.920 | 192.230 | 684.729 | 0 | 50.768,3062 | 0 | 50.768,3062 |
| | <i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i> | | | | | | | | | | | |
| - | Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà | Đông Hà | 02 hợp phần | 2024-2027 | 40/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 | 1.152.920 | 192.230 | 684.729 | 0 | 50.768,3062 | | 50.768,3062 |

Biểu số 03

**DỰ KIẾN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian thực hiện | Chủ trương/ Quyết định đầu tư | | | Đề nghị bổ sung Kế hoạch vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW | Ghi chú | |
|----------|--|-------------|---|---------------------|-------------------------------|--------------------------------|----------------|--|----------------|----------------|
| | | | | | Số quyết định | TMĐT | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn đối ứng | | | Vốn nước ngoài |
| | TỔNG CỘNG | | | | | 1.446.231 | 207.741 | 962.529 | 432.960 | |
| 1 | Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | | | | | 1.152.920 | 192.230 | 684.729 | 155.160 | |
| | <i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i> | | | | | | | | | |
| - | Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà | Đông Hà | 02 hợp phần | 2024-2027 | 40/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 | 1.152.920 | 192.230 | 684.729 | 155.160 | |
| 2 | Xã hội | | | | | 293.311 | 15.511 | 277.800 | 277.800 | |
| | <i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i> | | | | | | | | | |
| - | Dự án Xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội và phục hồi chức năng dành cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị | Đông Hà | Thành lập TTBTXH VÀ PHCN dành cho người khuyết tật với diện tích 10.000 m ² ; Tiếp nhận 03 xe ô tô chuyên dụng; Đào tạo tập huấn | 2022-2025 | 16/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 | 293.311 | 15.510,5 | 277.800 | 277.800 | |